

Ý THỨC VỀ ĐỐI TƯỢNG TIẾP NHẬN TRONG VĂN CHÍNH LUẬN HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Như Thúy*

Tóm tắt: Nghiên cứu sự phân định đối tượng tiếp nhận văn chính luận Hồ Chí Minh. Phân tích ngôn ngữ, giọng điệu văn chính luận trong các hoạt động giao tiếp giữa Hồ Chí Minh với khách thể thuộc nhiều tầng lớp, giai cấp, dân tộc và đối thủ. Xác định nghệ thuật lựa chọn ngôn từ, cách thức tổ chức diễn ngôn phù hợp với từng đối tượng đều nhằm mục đích cuối cùng là phản ánh hiện thực xã hội, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của con người vào quá trình làm thay đổi bản thân và hoàn cảnh.

Từ khóa: Văn chính luận, văn chính luận Hồ Chí Minh, đối tượng tiếp nhận.

Abstract: The paper studies the differentiation of receiving objects in Ho Chi Minh's political essays, analyzing the use of language and tones in political exchanges between Ho Chi Minh and receiving objects of various social classes, backgrounds, and races and of various enemies. The paper identifies Ho Chi Minh's mastery in choosing languages and organizing speeches that are appropriate to specific receiving objects so that his theses achieve the ultimate aims of reflecting the social reality and strongly influencing people's knowledge in their improvement of personality and social conditions.

Keywords: political essays, Ho Chi Minh's political theses, receiving objects.

1. Mục đích văn chính luận Hồ Chí Minh

Trong các tác phẩm, bài báo, bài viết của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, kể từ bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* gửi Hội nghị Vecxay (1919) đến *Di chúc* (1969), khu vực văn chính luận chiếm một tỷ lệ lớn và để lại những trang văn bất hủ, đánh dấu những sự kiện lớn, những dấu mốc lớn trong hành trình cách mạng Việt Nam thế kỷ XX.

Trước 1941, dưới tên gọi Nguyễn Ái Quốc và nhiều bút danh khác, trong số phận một thanh niên yêu nước và một người cách mạng xa xứ với mốc thời gian 30 năm (1911-1941), Người đã tổ chức viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)

và *Đường Kách mệnh* (1927) chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930). Đó là những tác phẩm nhằm lên án chủ nghĩa thực dân, tuyên truyền đấu tranh chính trị, thể hiện sâu sắc lý tưởng cách mạng của giai cấp vô sản, đầy trí tuệ, giàu cảm xúc và hình ảnh. Trong những năm (1919-1923) ở Pari nhiều bài văn chính luận được đăng trên các báo như *Người cùng khổ* (*Le Paria*), *Nhân đạo* (*L'Humanité*), *Đời sống thợ thuyền* (*La vie ouvriere*), *Thư tin quốc tế* (*La correspondance internationale*). Đặc biệt *Bản án chế độ thực dân Pháp* cho người đọc thấy rõ bộ mặt của thực dân Pháp: sự xâm chiếm đất đai, áp đặt guồng máy thống trị tàn bạo, khai thác vơ vét nguyên liệu, bóc lột nhân công, đầy đọa, kim hãm người dân bản xứ trong vòng nô lệ

* ThS- Ban Tuyên giáo Thành ủy TP Hồ Chí Minh. Email: thuyphu7768@gmail.com

với chính sách ngu dân, đầu độc họ bằng thuốc phiện, rượu lậu và thói mê tín. Tác giả đã lần lượt lên án, tố cáo mạnh mẽ, sâu sắc từng mặt, từng vấn đề từ chính quyền đến giáo hội, từ tội đàn áp tàn bạo đến trò bóc lột tham nhũng của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Qua *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc nhằm cảnh tỉnh thế giới phương Tây, thức tỉnh thế giới phương Đông; cũng là lời kêu gọi đoàn kết, là cương lĩnh hành động của những người bị áp bức, thức tỉnh và đấu tranh trên toàn thế giới. Tác phẩm chính luận của Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện sâu sắc trí tuệ và vốn tri thức, am hiểu sâu sắc nhiều lĩnh vực triết học, kinh tế, văn học, sử học và đã vận dụng rất sáng tạo các tri thức đó vào tác phẩm của mình. Nghệ thuật chủ đạo trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc là lập luận và trình bày chặt chẽ với các bằng cứ xác thực, xúc tích ngắn gọn, dễ hiểu, giàu hình ảnh.

Năm 1941, sau khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, từ tên gọi Nguyễn Ái Quốc chuyển sang tên gọi Hồ Chí Minh, đã rabáo *Việt Nam độc lập*, viết *Bài ca Việt Minh* nhằm tuyên truyền cách mạng (1941-1942); viết diễn ca *Lịch sử nước ta* (1942); viết *Ngục trung nhật ký* trong thời gian 14 tháng bị chính quyền Quốc dân đảng Trung Hoa cầm tù (1942-1943). Sau khi ra tù, Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo quốc dân giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám (1945), viết *Tuyên ngôn độc lập* công bố chủ quyền của dân tộc Việt Nam cho quốc dân và toàn thế giới. Đây là áng văn chính luận lớn nhất, có giá trị về tư tưởng nghệ thuật cao nhất trong lịch sử văn chương

Việt. Nói như Tố Hữu, đó là “lời non nước”: *Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước./ Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau (Sáng tháng Năm)*. Trên ý nghĩa này, có thể gắn nối giữa *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh thế kỷ XX với *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi thế kỷ XV.

Nguyễn Đăng Mạnh nhận xét về nghệ thuật văn chính luận Hồ Chí Minh trong *Tuyên ngôn độc lập*: “Tài nghệ ở đây là dàn dựng một lập luận chặt chẽ, đưa ra được những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được. Và đằng sau những lí lẽ ấy là một tâm tư tưởng, tầm văn hóa lớn, đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc và của nhân loại” [6, tr. 21]. Từ *Tuyên ngôn độc lập*, tiếng gọi của non sông, lời của non nước, rồi sẽ còn xuất hiện trong các thời điểm trọng đại của hành trình cách mạng. Đó là *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* (1946) và *Di chúc* (1969). Tố Hữu cũng nhận xét sâu sắc: “Văn chính luận Hồ Chí Minh là tiêu biểu rõ ràng nhất của văn chương mới theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng... Văn Hồ Chủ tịch bao giờ cũng bình dị và sâu sắc, sáng rõ gọn gàng, mãnh liệt và đậm âm, thiết thực mà bóng bẩy, lẫm liệt hài hước mà vẫn giữ mức trang nghiêm, soi vào trí thâm vào lòng của nhân dân như ánh sáng mùa xuân ấm áp nó kết hợp một cách kỳ diệu những tư tưởng khoa học với điệu cảm, cách nói của dân tộc”.

Trong suốt thời gian Hồ Chí Minh hoạt động cách mạng, văn chính luận đã gắn bó mật thiết với cuộc đời của Người tới mức đời sống của văn thực chất là đời sống con

người cách mạng của Người. Văn chính luận của Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng đặc biệt trong việc giáo dục nhận thức về chủ quyền của dân tộc, vun đắp cho các thể hệ lòng tự hào và tình yêu quê hương đất nước. Chính tình yêu nước thương dân, khát vọng hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân luôn thường trực trong tim của Người để mỗi khi nói, viết Người luôn có ý thức lựa chọn văn phong sao cho phù hợp với từng đối tượng nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Người cho rằng, văn chương trong thời đại cách mạng phải xem quảng đại quần chúng là đối tượng phục vụ. Người quan tâm đến quảng đại quần chúng vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Cái cốt yếu của văn chính luận là khuynh hướng tư tưởng, lập trường, quan điểm, cách lập luận sử dụng lí lẽ. Tuy nhiên, đối tượng tiếp nhận luôn là yếu tố quan trọng làm tăng hiệu quả của nội dung chính luận, nếu chỉ thay đổi đối tượng tiếp nhận là sức thuyết phục của lời luận thuyết, kêu gọi hay truyền truyền sẽ không còn nữa. Đối tượng, chính là điều kiện đầu tiên đảm bảo tính thuyết phục trong các tác phẩm văn chính luận của Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng tiếp nhận văn chính luận Hồ Chí Minh

Trong các trước tác của Hồ Chí Minh có nhiều tác phẩm chính luận được viết ra cho từng đối tượng vì mục đích tuyên truyền, kêu gọi và động viên quần chúng hướng về cuộc đấu tranh cách mạng đã đạt tới mức độ cao của phong cách chính luận. Trong các hoạt động giao tiếp, mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với khách thể là quan hệ mở. Người luôn tạo được sự tiếp xúc, trao đổi, thuyết phục với đông đảo các cá nhân, lứa tuổi thuộc nhiều tầng lớp, giai cấp, dân tộc, bằng tấm lòng chân thành và lý trí sáng suốt.

Với nhân dân, Người ân cần, gần gũi, tôn trọng, khiêm nhường, yêu quý, lắng nghe như người bạn, người anh em, người trong gia đình, đồng chí, đồng hương, đồng bào. Người sống bằng tâm hồn, trí tuệ nhân dân, đau nỗi đau của dân, buồn cái buồn của dân, chia vui cùng dân nhưng bao giờ cũng tự ý thức chịu khổ trước dân, hưởng sung sướng sau dân; với ý thức về tuyên truyền trong văn chính luận như thế nào để nhân dân thấy nhẹ nhàng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện qua hình thức văn xuôi, văn vần, thơ ca... Những trường hợp văn bản chính luận đã được triển khai, hoàn chỉnh trong khuôn khổ hình thức thể loại thơ là một hiện tượng rất riêng của Hồ Chí Minh. Dù ở cương vị Chủ tịch nước, nhưng Người kêu gọi nhân dân với tư cách là bậc già cả, chia sẻ, động viên với trách nhiệm và tình cảm chân tình. Chào xuân 1947, Hồ Chủ tịch có thơ chúc Tết gửi đồng chí, đồng bào:

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dội non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện
kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến nhất định
thắng lợi!
Thống nhất độc lập nhất định thành công!*
(Chúc năm mới, 1947)

Từ đây, cho đến khi qua đời, hàng năm vào dịp Tết, Hồ Chí Minh đều có thư và thơ chúc Tết, mừng xuân đến nhân dân cả nước.

Quan tâm đến người đọc, luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu trong sự nghiệp viết của Hồ Chí Minh. Tại Đại hội nhà báo Việt Nam (1962), Người viết:

“Kinh nghiệm của tôi là thế này: mỗi khi viết một bài báo thì tự đặt câu hỏi:

- Viết cho ai xem?
- Viết để làm gì?
- Viết thế nào cho phổ thông, dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc”.

Cần lưu ý ở đây, câu hỏi: “Viết cho ai xem?” được đặt ở vị trí số một.

Nếu với nhân dân, với bè bạn, đồng bào, đồng chí là gần gũi, thân thiết, tin cậy, thì với kẻ thù, văn chính luận của Hồ Chí Minh cũng có ngôn ngữ, giọng điệu thích hợp.

Dù phải tiến hành cuộc chiến tranh với Pháp, Mỹ nhưng Người luôn tôn trọng, yêu quý nhân dân Pháp và Mỹ. Chỉ có bọn đế quốc thực dân xâm lược, hiếu chiến mới là kẻ thù của nhân dân Việt Nam. Với kẻ thù, Người bao giờ cũng xuất phát từ lẽ phải, chính nghĩa để đấu tranh vạch ra những cái sai. Chẳng hạn, khi Người viết đề hướng đến đối tượng tiếp nhận chính là bồi bút thực dân Camilo Đovila trong bài *Giờ phút nghiêm trọng* nhằm mục đích bóc trần sự dối trá, lừa bịp của hắn trước dư luận chính quốc: “Chúng tôi xin phép hỏi ông Đovila rằng phải chăng ông coi độc giả của ông là những người quá ư ngu ngốc, khi ông định dùng cái lối bình luận quý quyết đó để làm cho họ lẫn lộn tình trạng hoàn toàn và vĩnh viễn không có quyền tự do tư tưởng với sự kiểm duyệt, tức là một tình trạng hoàn toàn có tính chất tạm thời và chỉ nhằm một vài loại tin tức thôi” [2, tr.3]. Thái độ châm biếm, mỉa mai đó

cũng được biểu hiện cụ thể đối với Gácbi - viên Toàn quyền đảo Madagátxca, - vừa về Pháp: “Và vượt lên trên tất cả những ngón bịp bợm cũ rích ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bịp khác (hay đúng hơn ngón bịp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về” [2, tr.218]. Trong tình huống cần sử dụng văn chính luận bày tỏ thái độ coi thường một cách trực diện với sắc thái tố cáo mạnh mẽ trước kẻ thù tác giả viết: “Này, Tổng thống Giônxon, người hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược nước Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược nước Việt Nam và giết hại người Việt Nam? [4, tr.630].

Với đối tượng tiếp nhận là người dân thuộc địa cũng như người dân Pháp chân chính (trước năm 1945) và nhân dân Việt Nam (sau năm 1945), Hồ Chí Minh lại lựa chọn và sử dụng những cặp từ xưng hô với sắc thái tình cảm, gần gũi. Chẳng hạn, trong những diễn thuyết chính luận của Người trước năm 1945, với mục đích tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người đọc chủ yếu là người Pháp ở chính quốc và nhân dân thuộc địa trên thế giới về một hiện thực tăm tối, bất công cũng như đầy tội ác của thực dân Pháp tại các nước mà chúng đang cai trị, chủ thể diễn thuyết với tư cách là một người dân thuộc địa đang hoạt động cách mạng ngay trên đất Pháp đã lựa chọn cho mình một lối xưng hô gần gũi, thân thiện, bộc lộ rõ tính mục đích

trong cách hô gọi. Ở hầu hết những diễn thuyết chính luận giai đoạn này, tác giả luôn duy trì lối xưng hô tạo tâm thế, cảm xúc gần gũi như: tôi- chúng tôi - bạn - các bạn. Bạn - các bạn theo mục đích hô gọi, là người quen biết và có quan hệ gần gũi, coi nhau ngang hàng, hợp ý hoặc cùng cảnh ngộ, cùng chí hướng.

Trên nền diễn thuyết văn chính luận, tác giả đã thiết lập mối quan hệ nhân quả với người tiếp nhận trong bối cảnh những người cùng cảnh ngộ, qua đó trực tiếp chia sẻ những quan điểm, cách đánh giá và miêu tả hiện thực; đồng thời giúp cho người đọc tiếp cận nội dung, tư tưởng một cách dễ dàng và hiệu quả hơn, bắt đầu từ cách diễn đạt thân tình, gần gũi: Các bạn sẽ hỏi tôi: “Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?” [2, tr.219]; có lúc nhẹ nhàng như muốn hỏi ý kiến: “Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì?” [2, tr.219]; thậm chí khi muốn đối tượng tiếp nhận cùng đồng hành với mình về một vấn đề nào đó thì tác giả lại sử dụng thái độ vui vẻ, nhẹ nhàng nhưng vô cùng thâm thúy: “Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nợ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không?” [2, tr.299]. Ngoài cách dùng từ gọi bạn - các bạn chung chung như những trường hợp đã nêu ở trên, thì trong nhiều ngữ cảnh, tác giả còn chỉ đích xác đối tượng muốn hướng thông tin tới, chẳng hạn như người dân Bắc Phi: “bị kiệt quệ vì nạn khổ sai liên miên; bị nạn đói thường xuyên làm mất sức, các bạn Bắc Phi đang ở trên con đường ngặt ngoài”; hay là cả một giai cấp như: “Các bạn công

nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bi ối đánh vào các em bé kia?” [2, tr.299]; đặc biệt hơn là cả những người Pháp ở chính quốc nói chung: “Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị “thực dân hóa” đi không nhĩ?” [2, tr.305-306].

Sau năm 1945, khi đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, văn chính luận của Hồ Chí Minh dùng khi giao tiếp, cách xưng hô trong diễn thuyết chính luận cũng thay đổi. Các mối quan hệ trong nước, tác giả đã sử dụng cặp xưng hô: tôi - đồng bào và sau đó là một loạt các đại từ gọi như các bậc phụ lão, chiến sĩ, các cháu thiếu niên nhi đồng,... Điều đó cho thấy sự gần gũi, trân trọng, linh hoạt trong cách xưng hô được cấu trúc theo hai kiểu quan hệ thân tộc. Không hề có một khoảng cách nào giữa một vị lãnh tụ tối cao của một đất nước với người dân của mình: “Tôi theo dõi từng giờ, từng phút cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta” (*Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến*, 1952); đặc biệt trong *Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm 7 năm toàn quốc kháng chiến* vừa gần gũi thiết tha, vừa có sức tác động mạnh đến người đọc: “Hỡi đồng bào toàn quốc! Hỡi toàn thể chiến sĩ và cán bộ” [3, tr.675]. Việc xác định đối tượng để lựa chọn cách giao tiếp trong văn chính luận của Hồ Chí Minh, thành công bắt đầu từ cách xưng hô giản dị, gần bó với quần dân, từ đó góp phần tạo nên sức mạnh tinh thần cho toàn dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Trong mọi lĩnh vực công tác, Hồ Chí Minh khẳng định, không thể không xuất phát từ quan điểm và lợi ích của nhân dân: “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra” [5, tr.518]. Những quan niệm, tư tưởng, cách làm nói trên đã tạo nên hiệu quả lớn cho đời sống, cho sự tồn tại, phát triển, hoàn thiện của cộng đồng, dân tộc và làm cho vị thế, nhân cách Hồ Chí Minh được nhân lên trong quảng đại quần chúng, trường tồn cùng lịch sử. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đều lấy nhân dân làm đối tượng phục vụ, lấy quan điểm quần chúng làm phương châm công tác, lấy chính nghĩa yêu nước và chân lý của học thuyết Mác – Lênin làm sức mạnh động viên, cổ vũ và dìu dắt quần chúng tham gia cách mạng và quản lý đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội khoa học. Cho nên, khi viết hay nói chuyện với bất kỳ đối tượng nào, Người cũng luôn tìm những mẫu số chung giữa đối tượng với mình để thuyết phục cùng nhất trí về quan điểm, cách giải quyết các vấn đề thực tiễn đời sống. Người rất khéo tìm điểm gặp gỡ giữa các đối tượng với nhiều cấp độ cao thấp, rộng hẹp khác nhau từ tuổi tác, tâm lí, văn hóa, hoàn cảnh riêng, từ các quan hệ đồng hương, đồng bào, đồng chí đến đồng bang, đồng chủng hoặc các phẩm cấp thuộc phạm trù toàn nhân loại, quy luật của tự nhiên tạo hóa. Từ đó Người giải quyết các vấn đề cụ thể, có khi chỉ của một nơi, một người nhưng đều đặt trong sự phù hợp với cái chung rộng lớn, gắn bó tự nhiên hợp lẽ với nhiều việc, nhiều nơi, với nguyện vọng, suy nghĩ của hàng triệu người.

3. Kết luận

Có thể nói, những yếu tố của tình huống giao tiếp, đối tượng giao tiếp trong các văn bản chính luận Hồ Chí Minh có những đặc điểm vô cùng quan trọng: từ bối cảnh lịch sử đến vị thế xã hội người tạo lập diễn thuyết; đối tượng tiếp nhận; mục đích và đề tài, chủ đề phản ánh. Tất cả những yếu tố này đều có những đặc điểm riêng và thay đổi qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau: trước và sau năm 1945. Do đó, cùng với yếu tố thể loại chính luận, chúng giữ vai trò quan trọng trong việc chi phối và tác động mạnh mẽ đến quá trình tạo lập diễn ngôn của tác giả, từ việc lựa chọn ngôn từ đến cách thức tổ chức diễn ngôn sao cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể và trong từng ngữ cảnh giao tiếp cụ thể để hướng tới mục đích cuối cùng không chỉ là phản ánh hiện thực xã hội mà còn tác động mạnh mẽ đến nhận thức của con người đưa con người vào các quá trình cách mạng làm thay đổi bản thân và hoàn cảnh.

Tài liệu tham khảo

1. Tô Hữu (1951), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 12: Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam. Nguồn: <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/>
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
6. Nguyễn Như Ý (Tuyển chọn, giới thiệu, 2007), *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh - Về tác gia, tác phẩm*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.